

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 146/2024/DS-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phước Cường, ông Huỳnh Văn Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 410/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M, trụ sở chính: Lầu 5, khối E, Tòa nhà C, số B C, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; là nguyên đơn trong vụ án.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Hà Phương Hồng T, chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 2001; địa chỉ liên hệ: Lầu E, khối E, Tòa nhà C, số B C, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 24/7/2024) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết T2, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ A, khóm G, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn trình bày ý kiến của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 29/11/2019 bà T2 có ký hợp đồng tín dụng số 20191128-6915586 với Công ty T6 để vay vốn cụ thể: số tiền vay: 52.290.000 đồng; lãi suất cho vay: 45%/năm; thời hạn vay: 24 tháng. Để đảm bảo khoản vay, bà T2 đã thế chấp xe máy hiệu HONDA, biển số 67E1-406.56, số khung MH1KB1115KK233726. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T2 đã trả được số tiền 16.775.000 đồng, kể từ sau ngày 10/5/2020 đến nay bà T2 không thực hiện việc thanh toán. Dư nợ còn lại là 57.827.772 đồng (trong đó nợ gốc 45.147.869 đồng, nợ lãi 12.595.903 đồng). Ngày 31/3/2023 khoản nợ của bà T2 được Công ty T6 chuyển nhượng cho công ty TNHH M. Nay, Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu bà T2 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 45.147.869 đồng. Trường hợp bà T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tòa án đã tổng đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà T2 vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa,

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, thỏa thuận vay nợ giữa Ngân hàng với bà T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Công ty T7 đã thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu đối với khoản nợ của bà T2 cho Công ty TNHH M là phù hợp pháp luật. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn là 45.147.869 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100,103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với việc Công ty TNHH M yêu cầu bà T2 đã thế chấp tài sản là xe máy, nhãn hiệu Honda, biển số 67E1-406.56, số khung MH1KB1115KK233726 để bảo

đảm khoản vay để bảo đảm khoản vay nhưng không cung cấp hợp đồng thế chấp tài sản để làm căn cứ xem xét nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Thẩm quyền:* Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về chuyển giao quyền khởi kiện:* Ngày 31/3/2023, Công ty T7 đã thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu đòi với khoản nợ của bà Nguyễn Thị Tuyết T2 cho Công ty TNHH M là phù hợp pháp luật nên Công ty TNHH M có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tại Tòa án.

Về nội dung:

[4] Công ty T7 với bà Nguyễn Thị Tuyết T2 đã ký hợp đồng tín dụng số 20191128-6915586 ngày 29/11/2019 để bà T2 vay số tiền 52.290.000 đồng; lãi suất cho vay: 45%/năm; thời hạn vay: 24 tháng; quá trình thực hiện hợp đồng bà T2 đã trả được số tiền 16.775.000 đồng đồng và không tiếp tục thanh toán theo hợp đồng từ sau ngày 10/5/2020 đến nay, bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ của người vay; ngân hàng N nhiều lần về việc thực hiện hợp đồng đã giao kết, nhưng bà T2 vẫn không thực hiện.

Hợp đồng tín dụng số 20191128-6915586 ngày 29/11/2019 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng số 20191128-6915586 ngày 29/11/2019 để bà T2 vay số tiền 52.290.000 đồng, thời hạn 24 tháng, lãi suất 45%/năm. Quá trình vay, bà T3 không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận đã được giao kết trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu bà T2 có trách nhiệm trả vốn vay còn nợ là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc

bà Nguyễn Thị Tuyết T2 trả cho Công ty TNHH M số tiền vốn vay 45.147.869 đồng.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe máy nhãn hiệu Honda, biển số 67E1-406.56, số khung MH1KB1115KK233726 để xử lý thu hồi nợ, nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng thế chấp nên không có cơ sở xem xét đối với yêu cầu này của nguyên đơn, do đó không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn đối với bị đơn là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết T4 có trách nhiệm trả vốn cho Công ty T8 Mua Bán Nợ Galaxy nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.257.000 đồng;

- Công ty TNHH M được chấp nhận yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho Công ty TNHH M đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100,103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T2 có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH M số tiền 45.147.869 (bốn mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi chín) đồng theo hợp đồng tín dụng số 20191128-6915586 ngày 29/11/2019.

“Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.257.000 (hai triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn) đồng. Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty TNHH M số tiền

2.891.000 (hai triệu tám trăm chín mươi một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0003800 ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

[4] Về quyền kháng cáo: Thời gian kháng cáo của các đương sự là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức